

Số: 08 /2010/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 7 năm 2010

### NGHỊ QUYẾT

Về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2011 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2011-2015

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Xét Tờ trình số 25/TTr - UBND ngày 09 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2011 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2011-2015; Báo cáo thẩm tra số 20/BC-KTNS<sub>16</sub> ngày 16 tháng 7 năm 2010 của Ban kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2011 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2011-2015 (có Quy định và Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2010./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Chánh, Phó VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu VT, CV.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Sáng Vang**



## QUY ĐỊNH

Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2011 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2011 - 2015

(Kèm theo Nghị quyết số 08 /2010/NQ – HĐND ngày 21/7/2010 của HĐND tỉnh)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này được áp dụng trong việc thực hiện phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và thành phố (sau đây gọi chung là ngân sách cấp huyện) và ngân sách xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là ngân sách cấp xã) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2011 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2011-2015.

#### Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

1. Các khoản thu ngân sách Nhà nước bao gồm các khoản thu từ thuế, phí và lệ phí; các khoản thu từ hoạt động kinh tế của Nhà nước; các khoản đóng góp của các tổ chức và cá nhân; các khoản viện trợ và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các nhiệm vụ chi ngân sách địa phương, bao gồm: Các khoản chi đầu tư phát triển; chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; chi đầu tư cho các hoạt động kinh tế - xã hội thuộc địa phương quản lý; chi bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước; cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; chi bảo đảm quốc phòng, an ninh tại địa phương; chi trả nợ vay đầu tư theo khoản 3, Điều 8 Luật Ngân sách Nhà nước; chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

#### Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Ngân sách tỉnh giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của địa phương; thực hiện cải cách nền tài chính công trên cơ sở tăng cường phân cấp và tự chịu trách nhiệm về các nguồn thu, nhiệm vụ chi đã được phân cấp trên địa bàn.

2. Ngân sách các cấp được phân cấp nguồn thu bảo đảm chủ động trong việc thực hiện những nhiệm vụ được giao; khuyến khích các huyện, thành phố; các xã, phường, thị trấn khai thác nguồn lực cho phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn.

3. Phân định rõ nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách, phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn.

4. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước cấp trên uỷ nhiệm cho cơ quan quản lý nhà nước cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi của mình, thì phải chuyển kinh phí từ ngân sách cấp trên cho cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ đó theo hình thức uỷ quyền và phải thực hiện quyết toán vào cấp ngân sách uỷ quyền theo quy định của Nhà nước.

5. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới theo quy định này được ổn định trong thời gian 5 năm (2011-2015). Số bổ sung từ ngân sách cấp trên là khoản thu ổn định của ngân sách cấp dưới, việc ổn định ngân sách nhằm nâng cao trách nhiệm của mỗi cấp khi quyết định tăng chi ngân sách phải có các giải pháp bảo đảm nguồn tài chính để cân đối. Ngân sách tỉnh chỉ bổ sung nguồn để thực hiện các chính sách, chế độ mới do Trung ương ban hành và các nhiệm vụ được bổ sung khi ngân sách huyện (bao gồm cả ngân sách cấp xã) không đủ khả năng tự cân đối.

6. Trong thời kỳ ổn định ngân sách, các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn được sử dụng nguồn tăng thu hàng năm được hưởng để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; sau mỗi thời kỳ ổn định ngân sách, phải tăng khả năng tự cân đối, thực hiện giảm dần số bổ sung từ ngân sách cấp trên hoặc tăng tỷ lệ phần trăm (%) số thu nộp về ngân sách cấp trên.

7. Ngoài việc uỷ nhiệm thực hiện nhiệm vụ chi và bổ sung nguồn thu quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này, không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác, trừ trường hợp quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước.

## **Chương II**

### **NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH**

#### **Điều 4. Nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh**

*(Chi tiết theo Phụ lục phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2011 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2011- 2015 kèm theo).*

#### **Điều 5. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh**

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do cấp tỉnh quản lý;

b) Đầu tư các dự án khoa học - công nghệ cấp tỉnh;

c) Đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của Nhà nước theo quy định của pháp luật;

d) Phân chi đầu tư phát triển trong các Chương trình mục tiêu Quốc gia do cấp tỉnh thực hiện;

e) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

## 2. Chi thường xuyên:

a) Trợ giá theo chính sách của Nhà nước;

b) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp tỉnh quản lý:

- Chi duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông trên các tuyến đường liên tỉnh; chi lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường do tỉnh quản lý;

- Chi duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, kè; các công trình thủy lợi; các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; chi cho công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư do các đơn vị tỉnh thực hiện; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

- Chi cho công tác điều tra cơ bản; chi thực hiện công tác quy hoạch; chi đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính; chi cho các hoạt động sự nghiệp địa chính khác;

- Chi hỗ trợ lãi suất cho các chương trình, dự án sản xuất, chăn nuôi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định;

- Các sự nghiệp kinh tế khác;

c) Chi các hoạt động bảo vệ môi trường, vệ sinh môi trường do các đơn vị cấp tỉnh thực hiện;

d) Chi các hoạt động sự nghiệp Giáo dục, đào tạo; Y tế; Văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin; Phát thanh, truyền hình và các hoạt động Văn học nghệ thuật khác do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện:

- Giáo dục phổ thông (bao gồm cả chi cho học sinh tại trường dân tộc nội trú cấp tỉnh quản lý), bổ túc văn hoá; chi hỗ trợ đào tạo đại học và sau đại học; chi đào tạo cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác;

- Chi phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế dự phòng thuộc các đơn vị dự toán cấp tỉnh thực hiện;

- Chi cho các hoạt động bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động văn hóa khác do các đơn vị cấp tỉnh thực hiện;

- Chi cho các hoạt động phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin do các đơn vị cấp tỉnh thực hiện;

- Chi bồi dưỡng, đào tạo huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh đi thi đấu giải khu vực và quốc gia; chi tổ chức các giải thi đấu cấp tỉnh tổ

chức, cấp quốc gia do tỉnh đăng cai; chi quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và chi cho các hoạt động thể dục, thể thao do các đơn vị cấp tỉnh thực hiện;

- Chi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật khác do các đơn vị dự toán cấp tỉnh thực hiện;

e) Chi cho công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác do cấp tỉnh thực hiện;

g) Chi thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do địa phương quản lý: chi cho các trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác do cấp tỉnh thực hiện;

h) Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; chi hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh);

i) Chi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách tỉnh bảo đảm theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

k) Chi hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở địa phương theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ;

l) Chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi thường xuyên trong các Chương trình mục tiêu Quốc gia do các đơn vị dự toán cấp tỉnh thực hiện.

4. Chi trả lãi và gốc tiền vay huy động cho đầu tư theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của cấp tỉnh.

6. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

7. Chi chuyển nguồn từ ngân sách cấp tỉnh năm trước sang ngân sách cấp tỉnh năm sau.

### **Chương III**

#### **NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**

##### **Điều 6. Nguồn thu của ngân sách cấp huyện**

*(Chi tiết theo Phụ lục phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2011 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2011 - 2015 kèm theo).*

##### **Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện**

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn theo phân cấp của cấp tỉnh: Đầu tư xây dựng các trường phổ thông quốc lập các cấp; xây dựng các công trình phúc lợi công cộng (điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông nội thị, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường) và các khoản chi đầu tư phát triển khác do tỉnh phân cấp hàng năm;

b) Chi đầu tư các Chương trình mục tiêu Quốc gia do tỉnh phân cấp;

c) Chi đầu tư từ các nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức và cá nhân cho cấp huyện.

## 2. Chi thường xuyên:

a) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp huyện quản lý:

- Chi duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường; lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường nội thị, liên huyện đã được tỉnh phân cấp quản lý;

- Chi cho các hoạt động nông, lâm, ngư nghiệp, thủy lợi và duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi; chi cho công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản được tỉnh phân cấp quản lý;

- Chi duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác;

- Chi thực hiện công tác quy hoạch; chi đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính và chi cho các hoạt động sự nghiệp kinh tế khác;

b) Chi các hoạt động bảo vệ môi trường;

c) Chi cho các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao - du lịch, thông tin, văn học nghệ thuật, thể dục thể thao và các sự nghiệp khác theo phân cấp của tỉnh:

- Giáo dục phổ thông (bao gồm cả chi cho học sinh tại các trường dân tộc nội trú cấp huyện quản lý), chi cho giáo dục mầm non, bổ túc văn hoá và các hoạt động giáo dục, đào tạo khác trên địa bàn huyện, thành phố quản lý;

- Chi cho công tác phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế dự phòng theo phân cấp;

- Chi cho các hoạt động văn hóa, thể thao - du lịch, thông tin do các đơn vị cấp huyện, thành phố thực hiện theo phân cấp;

- Chi phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác do các đơn vị cấp huyện, thành phố thực hiện;

d) Chi cho thực hiện các dự án, đề tài ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác do cấp huyện, thành phố thực hiện;

e) Chi thực hiện các chính sách xã hội theo phân cấp: Cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác theo phân cấp;

g) Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam và các hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở huyện, thành phố (Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh);

h) Chi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội theo phân cấp;

i) Chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi thường xuyên trong các Chương trình mục tiêu Quốc gia do các đơn vị dự toán cấp huyện thực hiện.

4. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

5. Chi chuyển nguồn ngân sách huyện từ năm trước sang năm sau theo quy định.

## **Chương IV**

### **NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ**

#### **Điều 8. Nguồn thu của ngân sách cấp xã**

*(Chi tiết theo Phụ lục phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2011 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2011 - 2015 kèm theo).*

#### **Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã**

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn theo phân cấp của cấp tỉnh;

b) Chi đầu tư cho các Chương trình mục tiêu Quốc gia do cấp tỉnh, cấp huyện phân cấp;

c) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từ các nguồn vốn do xã, phường, thị trấn huy động và từ các nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức và cá nhân cho cấp xã.

2. Chi thường xuyên:

a) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp xã quản lý:

- Chi duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa và đảm bảo an toàn giao thông các tuyến đường giao thông liên thôn, bản theo phân cấp;

- Chi cho các hoạt động phát triển nông, lâm, ngư nghiệp và duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi do cấp xã theo phân cấp;

- Chi phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn;

b) Các hoạt động văn hóa, thể thao - du lịch, thông tin do xã, phường, thị trấn tổ chức.

c) Chi thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng cán bộ xã nghỉ hưu theo quy định.

d) Chi hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động của cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn (Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh) và chi hỗ trợ hoạt động cho các thôn, bản, khu phố, tổ nhân dân.

e) Chi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội theo phân cấp.

- Chi thực hiện công tác huấn luyện dân quân, tự vệ; chi cho công tác an ninh, quốc phòng;

- Chi trả chế độ phụ cấp cho cán bộ, dân quân tự vệ theo Nghị định số 184/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ Quy định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh Dân quân tự vệ.

g) Chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên trong các Chương trình mục tiêu Quốc gia do cấp xã thực hiện.

3. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp xã từ năm trước sang năm sau theo quy định.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG  
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 14**

## PHỤ LỤC

**Phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phân trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2011 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2011-2015**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ – HĐND ngày 21/7/2010 của HĐND tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 14)*

Số TT	NGUỒN THU VÀ PHÂN CẤP NGUỒN THU	Tỷ lệ phân trăm (%) phân chia các khoản thu theo cấp thực hiện						
		Ngân sách tỉnh	Thành phố Tuyên Quang			Các huyện còn lại		
		Ngân sách Thành phố	Ngân sách Phường	Ngân sách xã	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách Thị trấn	Ngân sách xã	
I	<b>CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NSTW VÀ NSDP THEO LUẬT NSPPhân</b> điều tiết cho NSDP được hưởng theo Luật NSNN)							
1	<b>Thuế giá trị gia tăng của các tổ chức và cá nhân (không kể thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu)</b>							
a	- Mã số chương thuộc cấp tỉnh	100						
b	- Mã số chương thuộc cấp huyện		100			100		
c	- Mã số chương thuộc cấp xã			100			100	100
2	<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp của các tổ chức và cá nhân (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành)</b>							
a	- Mã số chương thuộc cấp tỉnh	100						
b	- Mã số chương thuộc cấp huyện		100				100	
3	<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>							
a	- Mã số chương thuộc cấp tỉnh	100						
b	- Mã số chương thuộc cấp huyện		100				100	

Số TT	NGUỒN THU VÀ PHÂN CẤP NGUỒN THU	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu theo cấp thực hiện						
		Ngân sách tỉnh	Thành phố Tuyên Quang			Các huyện còn lại		
		Ngân sách Thành phố	Ngân sách Phường	Ngân sách xã	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách Thị trấn	Ngân sách xã	
c	- Mã số chương thuộc cấp xã		50	50	100		100	100
<b>4</b>	<b>Thuế tiêu thụ đặc biệt</b>							
a	- Mã số chương thuộc cấp tỉnh	100						
b	- Mã số chương thuộc cấp huyện		100			100		
c	- Mã số chương thuộc cấp xã			100	100		100	100
<b>5</b>	<b>Phí xăng, dầu.</b>							
	- Mã số chương thuộc cấp tỉnh	100						
<b>II</b>	<b>CÁC KHOẢN THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG 100% THEO LƯẬT NSNN</b>							
<b>1</b>	<b>Thuế nhà, đất</b>							
a	- Mã số chương thuộc cấp tỉnh	100						
b	- Mã số chương thuộc cấp huyện		100			100		
c	- Mã số chương thuộc cấp xã			100	100	100	100	100
<b>2</b>	<b>Thuế tài nguyên</b>							
a	- Mã số chương thuộc cấp tỉnh	100						
b	- Mã số chương thuộc cấp huyện		100			100		
c	- Mã số chương thuộc cấp xã			100	100	100	100	100
<b>3</b>	<b>Thuế môn bài</b>							
a	- Mã số chương thuộc cấp tỉnh	100						
b	- Mã số chương thuộc cấp huyện		100			100		
c	- Mã số chương thuộc cấp xã			100	100	100	100	100
<b>c</b>	<b>- Mã số chương thuộc cấp xã</b>			100	100	100	100	100

Số TT	NGUỒN THU VÀ PHÂN CẤP NGUỒN THU	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu theo cấp thực hiện							
		Ngân sách tỉnh	Thành phố Tuyên Quang			Các huyện còn lại			
			Ngân sách Thành phố	Ngân sách Phường	Ngân sách xã	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách Thị trấn	Ngân sách xã	
<b>4</b>	<b>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</b>								
a	- Mã số chương thuộc cấp tỉnh	100							
b	- Mã số chương thuộc cấp huyện		100				100		
c	- Mã số chương thuộc cấp xã			100		100		100	100
<b>5</b>	<b>Tiền sử dụng đất.</b>								
a	- Mã số chương thuộc cấp tỉnh	100							
b	- Mã số chương thuộc cấp huyện		100				100		
<b>6</b>	<b>Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước đối với các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và xã hội khác.</b>								
a	- Mã số chương thuộc cấp tỉnh	100							
b	- Mã số chương thuộc cấp huyện		100				100		
<b>7</b>	<b>Tiền đền bù thiệt hại về đất</b>								
	- Mã số chương thuộc cấp xã			100		100		100	100
<b>8</b>	<b>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.</b>								
a	- Mã số chương thuộc cấp tỉnh	100							
b	- Mã số chương thuộc cấp huyện		100				100		
<b>9</b>	<b>Lệ phí trước bạ (bao gồm cả Lệ phí trước bạ nhà, đất)</b>								
a	- Mã số chương thuộc cấp tỉnh	100							
b	- Mã số chương thuộc cấp huyện		100				100		
c	- Mã số chương thuộc cấp xã			100		100		100	100

Số TT	NGUỒN THU VÀ PHÂN CẤP NGUỒN THU	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu theo cấp thực hiện						
		Ngân sách tỉnh	Thành phố Tuyên Quang			Các huyện còn lại		
			Ngân sách Thành phố	Ngân sách Phường	Ngân sách xã	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách Thị trấn	Ngân sách xã
10	<b>Các khoản thu hoạt động xổ số kiến thiết</b> - Mã số chương thuộc cấp tỉnh	100						
11	<b>Thu nhập từ vốn góp của ngân sách địa phương và thu hồi vốn của ngân sách địa phương tại các tổ chức kinh tế.</b> - Mã số chương thuộc cấp tỉnh	100						
12	<b>Thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương theo quy định của pháp luật (viện trợ cho cấp nào thì hạch toán theo Mã số chương của cấp đó).</b>							
a	- Mã số chương thuộc cấp tỉnh	100						
b	- Mã số chương thuộc cấp huyện		100			100		
c	- Mã số chương thuộc cấp xã			100	100		100	100
13	<b>Các khoản phí, lệ phí do địa phương quản lý (bao gồm cả các khoản thu viện phí tại các cơ sở khám chữa bệnh; thu học phí tại các trường phổ thông Quốc lập; thu học phí, phí dự thi, dự tuyển các cơ sở đào tạo, dạy nghề và giới thiệu việc làm thuộc đơn vị dự toán các cấp)</b>							
a	- Mã số chương thuộc cấp tỉnh	100						
b	- Mã số chương thuộc cấp huyện		100			100		
c	- Mã số chương thuộc cấp xã			100	100		100	100
14	<b>Thu từ sử dụng quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác</b> - Mã số chương thuộc cấp xã							
15	<b>Thu từ các hoạt động sự nghiệp (bao gồm cả các khoản ghi thu, ghi chi NSNN theo quy định).</b> - Mã số chương thuộc cấp tỉnh	100						

Số TT	NGUỒN THU VÀ PHÂN CẤP NGUỒN THU	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu theo cấp thực hiện									
		Ngân sách tỉnh	Thành phố Tuyên Quang			Các huyện còn lại					
			Ngân sách Thành phố	Ngân sách Phường	Ngân sách xã	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách Thị trấn	Ngân sách xã			
b	- Mã số chương thuộc cấp huyện		100				100				
c	- Mã số chương thuộc cấp xã				100				100		100
16	<b>Thu huy động góp của các tổ chức và cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng do địa phương huy động theo luật</b> <i>(bao gồm cả các khoản thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức và cá nhân ở trong và ngoài nước cho NSNN; HĐND cấp huy động thi hạch toán cho Mã số chương của cấp đó).</i>										
a	- Mã số chương thuộc cấp tỉnh	100									
b	- Mã số chương thuộc cấp huyện		100				100				
c	- Mã số chương thuộc cấp xã			100		100			100		100
17	<b>Thu huy động đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước</b>										
	- Mã số chương thuộc cấp tỉnh	100									
18	<b>Thu kết dư ngân sách</b>										
a	- Mã số chương thuộc cấp tỉnh sau khi trừ số trích lập Quỹ dự trữ tài chính <i>(Theo Nghị quyết HĐND tỉnh và văn bản đề nghị của Sở Tài chính)</i>	100									
b	- Mã số chương thuộc cấp huyện		100				100				
c	- Mã số chương thuộc cấp xã			100		100			100		100
19	<b>Thu phạt, tịch thu và thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật</b> <i>(bao gồm cả các khoản thu thanh lý tài sản tại các đơn vị dự toán ngân sách nhà nước thuộc địa phương quản lý).</i>										
a	- Mã số chương thuộc cấp tỉnh	100									
b	- Mã số chương thuộc cấp huyện		100				100				
c	- Mã số chương thuộc cấp xã			100		100			100		100

Số TT	NGUỒN THU VÀ PHÂN CẤP NGUỒN THU	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu theo cấp thực hiện									
		Ngân sách tỉnh	Thành phố Tuyên Quang				Các huyện còn lại				
			Ngân sách Thành phố	Ngân sách Phường	Ngân sách xã	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách Thị trấn	Ngân sách xã			
20	<b>Thu bổ sung cân đối ngân sách</b>										
a	- Mã số chương thuộc cấp tỉnh	100									
b	- Mã số chương thuộc cấp huyện		100				100				
c	- Mã số chương thuộc cấp xã			100		100			100		100
21	<b>Thu chuyển nguồn từ ngân sách địa phương năm trước sang ngân sách địa phương năm sau</b>										
a	- Mã số chương thuộc cấp tỉnh			100							
b	- Mã số chương thuộc cấp huyện		100				100				
c	- Mã số chương thuộc cấp xã				100			100			100
22	<b>Thu Thuỷ lợi phí</b>										
	- Mã số chương thuộc cấp xã			100		100			100		100

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG  
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 14